

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2021/12/21	New production	DVB-0628	Dang Dinh Tuan	Nguyen Van Thao	Ha Ngoc Tien	0.5 ≤, ≤ 6 ± 0.1
△							6 <, ≤ 30 ± 0.2
△							30 <, ≤ 120 ± 0.3
△							120 <, ≤ 400 ± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

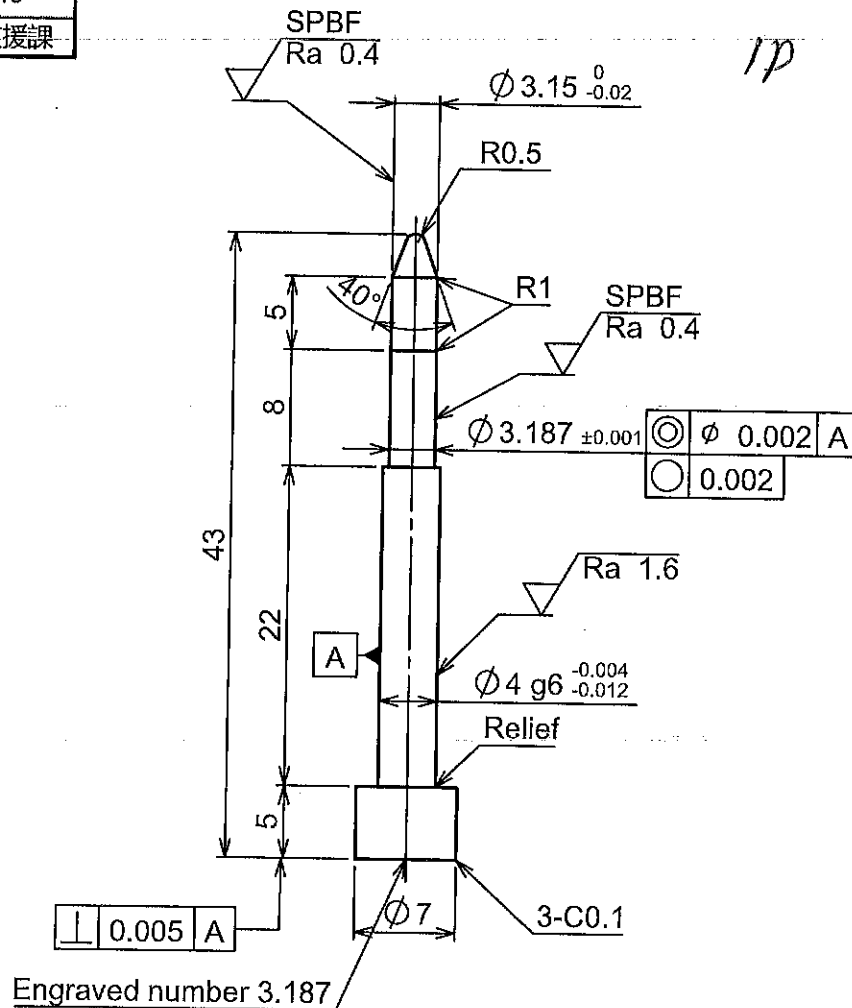
FINISH MARKS

Unspecified Corner C0.1

製作・検取用図面
検収完了後要廃棄
2023-06-13

VDM 生産支援課

213 306 071 B



S CHUẨN

CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Nguyen Phuc Bao	WC(D30)	2:1	部品図 PART DRAWING	サイジングピン SIZING PIN
DSGND.	SURFACE	SIZE	部品図 部品図	整形銷 整形銷
Ha Ngoc Tien	QUENCH&TEMPER	DATE	DATE	DWG.No.
DWN.	HRC °~°	A4	2021/12/21	R440111

SNO: **R440111**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P